

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai Cơ ở vật chất, đội ngũ đầu năm 2025-2026
Và kết quả giáo Năm học 2024- 2025**

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 04 tháng 8 năm 2025

Tại: Trường THCS Diễn Bích.

- 1, Ông Nguyễn Văn Hoàn - Hiệu trưởng
- 2, Ông Nguyễn Giang Nam - Phó hiệu trưởng
- 3, Ông Đậu Xuân Trọng – Trưởng ban thanh tra nhân dân
- 4, Bà Nguyễn Thị Nam Hải – Thư ký
- 5, Bà Lê Thu Thủy – Tổ trưởng KHXH
- 6, Bà Nguyễn Thị Cúc – Tổ trưởng KHTN
- 7, Ông Võ Duy Lục – Trưởng Ban đại diện hội cha mẹ học sinh

Lập biên bản về việc niêm yết công khai Cơ ở vật chất, đội ngũ đầu năm 2025-2026 Và kết quả giáo Năm học 2024- 2025 của trường THCS Diễn Bích bằng hình thức **Niêm yết** tại trụ sở làm việc và Website đơn vị.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8 h ngày 04 tháng 8 năm 2025 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 8h ngày 04 tháng 11 năm 2025.

Thực hiện niêm yết công khai Cơ ở vật chất, đội ngũ đầu năm 2025-2026 Và kết quả giáo Năm học 2024- 2025 của trường THCS Diễn Bích niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và cha mẹ phụ huynh học sinh biết.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 90 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 9h cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Nguyễn Thị Nam Hải



HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN BÍCH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường, năm học 2025-2026

1. Số biên chế được giao năm 2025:

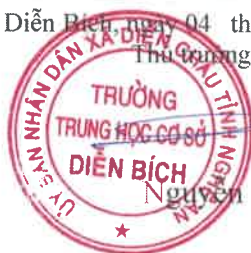
	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1		0	0	0	1
Phó Hiệu trưởng	1		0	0	1	0
Giáo viên	32,6	22,6	0	0	32,6	0
Nhân viên	3	3	0	0	3	0
Cộng	37,6	27,6	0	0	36,6	1

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Diễn Bích năm học 2025-2026

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	Đ H	C Đ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV,CB,NV	37,6	0	1	36,6	0	0	0	5	31,6	1			0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số GV dạy môn:	32,6	0	0	32,6	0	0	0	02	30,6	0			0	0
1	Toán	6			6					6	0	6	0	0	0
2	Lý	2			2					2	0	2	0	0	0
3	Hóa	2			1					2	0	2	0	0	0
4	Văn	6			7					7	0	6	0	0	0
5	Tiếng anh	4,6			4					3	0	3	0	0	0
6	Mỹ thuật	1			1					0	0	0	0	0	
7	Thể dục	2			2	0			0	2					

9	Sinh học	1			2				2					0
10	Địa lí	2			2				2					
11	Lịch sử	3			3				3					
12	Tin	2			2				2					
13	CD	1												
14	Â nhạc	0												
II	Cán bộ QL	2		1	1				1					
1	Hiệu trưởng	1		1					1					
2	Phó hiệu trưởng	1			1									
III	Nhân viên	3							3					
1	NV văn thư	1							1					
2	NV kế toán	1							1					
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế													
5	NV thư viện													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1							1					
7	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												

Diễn Bích, ngày 04 tháng 08 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN BÍCH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Diễn Bích,
năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS thuộc địa bàn xã Diễn Bích và hs xã khác Đủ 11 tuổi (sinh năm 2014, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành chương trình Tiểu học). - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển	- HS thuộc địa bàn xã Diễn Bích và hs xã khác - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ, học bạ,	HS thuộc địa bàn xã Diễn Bích và hs xã khác Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy	HS thuộc địa bàn xã Diễn Bích và hs xã khác Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.



		đến có đủ đủ hồ sơ hợp lệ học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.	giấy khai sinh, giấy chuyển trường	chuyển trường	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Thời gian học 35 tuần, Nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước - Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT. - Môn học đối với lớp 6,7,8,9: 12 môn; - Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện và kỹ năng sống.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường được thành lập trường theo Quyết định của UBND huyện Diễn Châu, hoạt động theo đúng điều lệ trường Trung học. - Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 4 thành viên, ban đại diện lớp có 2 thành viên. - Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT. - Có 01 phòng tin học với 25 máy tính, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi màn hình 55in.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt: Trên 91% - Học sinh có học lực khá, giỏi trên: 45% - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường theo mùa, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.			

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99%	- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99%	- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng(sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99%	- 100% được công nhận TN THCS. - Duy trì sĩ số 99%
----	--	---	---	--	--

Diễn Bích, ngày 01 tháng 08 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Văn Hoàn



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN BÍCH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					175
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	633 (84,5%)	210 (95,5%)	175 (87%)	121 (73,3%)	127 (77,9%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	98 (13,1%)	10 (84,6%)	24 (11,9%)	30 (18,2%)	34 (20,9%)
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11 (1,5%)	0 (0%)	1 (0,5%)	9 (5,45%)	1 (1,7%)
4	Yếu, CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	05 (0,7%)	0(%)	0(%)	4 (2,4%)	01 (0,6)
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi – Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	100(13,4 %)	26 (11,8%)	24 (11,9%)	21 (12,7%)	29 (17,8%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	272 (36,3%)	84 (38,2)	85 (42,3%)	49 (29,7%)	54 (33,1%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	338 (45,1%)	103 (46,8%)	81 (40,3%)	77 (46,7%)	77 (47,2%)
4	CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	37 (4,9%)	7 (3,2%)	10 (5,0%)	17 (10,3%)	3 (1,8%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	(100%)	(100%)	(100%)	(100%)	(98.6%)
a	Học sinh giỏi, XS (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					

5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0		0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	26			13	13
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	163				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	160				
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Diễn Bịch, ngày 04 tháng 08 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hoàn

Biểu mẫu 11

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN BÍCH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	1,35 m ² /Hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	1,35 m ² /Hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	9	1,62 m ² /Hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	1,62 m ² /Hs
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	46,4	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	5700	7,6 m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3800	4,35 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	798	1,35 m ² /Hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	72	1,62 m ² /Hs



3	Diện tích thư viện (m ²)	60	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	400 m ²	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	42 m ²	50 m ² /phòng
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	4 bộ/ 17 lớp
1.1	Khối lớp 6	1	1 bộ/ 5 lớp
1.2	Khối lớp 7	1	1 bộ/ 4 lớp
1.3	Khối lớp 8	1	1 bộ/ 4 lớp
1.4	Khối lớp 9	1	1 bộ/ 4 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	19	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	0	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		4		1,5m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn VS*	0		0		0 m ²
	Nội dung			Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			x		
XVII	Kết nối internet			x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
XIX	Tường rào xây			x		

Diễn Bích, ngày 04 tháng 08 năm 2025

Thư trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hoàn

